

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 23-09-2021

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Do ông Nguyễn Trường G- Giám đốc chi nhánh huyện LN đại diện theo ủy quyền. Tại Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Ông Phạm Văn Dũng - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Chi nhánh huyện LN. Đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 409/NHNo-BGII-LN ngày 28/07/2021 của ông Nguyễn Trường G Giám đốc Chi nhánh huyện LN. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K), sinh năm 1967. Vắng mặt
Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1969. Vắng mặt
2. Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991. Vắng mặt
3. Anh Nguyễn Hồng C, sinh năm 1993. Vắng mặt
4. Chị Tống Thị L, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020, tại bản tự khai, và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng N (viết tắt là Agribank hoặc Ngân hàng) do người đại diện trình bày:

Ngày 14/06/2017 ông Nguyễn Hồng K (Tên gọi khác: Nguyễn Văn K) có gửi phương án vay vốn đến Agribank Chi nhánh huyện LN với mục đích vay: Đầu tư làm vườn. Sau khi xem xét thẩm định, Agribank Chi nhánh huyện LN đã phê duyệt số tiền cho vay là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q663096 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 11/10/2001. Ngày 31/12/2018 Agribank đã giải ngân số tiền: 200.000.000 đồng cho ông K, với định kỳ hạn trả nợ: Ngày 27/12/2019 ông K trả gốc: 200.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 27/12/2019 đến hạn trả gốc: 200.000.000 đồng, nhưng ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) không trả được nợ cho ngân hàng. Ngày 28/12/2019 Agribank huyện Lục Ngạn đã chuyển sang nợ quá hạn, số tiền gốc: 200.000.000 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo. Dư nợ đến ngày 18/11/2020, số tiền gốc: 200.000.000 đồng + Số tiền lãi: 46.657.534 đồng.

Ông K có nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q663096 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 11/10/2001 nhưng hai bên không ký hợp đồng thế chấp.

Agribank Chi nhánh huyện Lục Ngạn đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu gia đình ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017. Tuy nhiên, tính đến nay, ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm

ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn cho Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Agribank.

Nay Agribank Chi nhánh huyện Lục Ngạn Bắc Giang II, yêu cầu Tòa án tuyên buộc như sau:

1. Tuyên buộc ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 18/11/2020 là: 246.657.534 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*). Trong đó:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 37.698.630 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 8.958.904 đồng.

2. Tuyên buộc ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả hết nợ gốc cho Agribank.

3. Tuyên nếu Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện Lục Ngạn Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu hồi được xử lý tài sản không đủ trả nợ cho Agribank thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện Lục Ngạn Bắc Giang II có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Hồng K (Nguyễn Văn K) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2021 bị đơn ông Nguyễn Hồng K trình bày:

Ngày 14/06/2017 ông có gửi phương án vay vốn đến Agribank Chi nhánh huyện LN với mục đích vay: Đầu tư làm vườn. Sau khi xem xét thẩm định, Agribank Chi nhánh huyện LN đã phê duyệt số tiền cho ông vay là: 200.000.000

đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn) tại hợp đồng tín dụng số: 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q663096 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 11/10/2001.

- Ngày 31/12/2018 Agribank đã giải ngân cho ông số tiền: 200.000.000 đồng, mục đích: Đầu tư vốn làm vườn, với định kỳ hạn trả nợ: Ngày 27/12/2019 trả gốc: 200.000.000 đồng. Ngày 27/12/2019 đến hạn gốc: 200.000.000 đồng, nhưng do kinh tế khó khăn ông không trả được nợ cho ngân hàng. Ngày 28/12/2019 Agribank huyện LN đã chuyển sang nợ quá hạn, số tiền gốc: 200.000.000 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo.

Khi vay Ngân hàng số tiền trên, để đảm bảo cho khoản vay ông có nộp cho Ngân hàng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Q663096 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 11/10/2001. Vợ ông Dương Thị N cùng các con Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Hồng C, Tống Thị L cùng làm giấy ủy quyền cho ông thay mặt giao dịch liên quan đến tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất nêu trên.

Đến nay, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông chưa có điều kiện trả hết số tiền còn nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng được. Agribank Chi nhánh huyện LN, khởi kiện đến Tòa án yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày đến hết ngày 18/11/2020 là: 246.657.534 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 37.698.630 đồng. Nợ lãi quá hạn: 8.958.904 đồng. Đối với số nợ này ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng trả nợ làm nhiều lần. Nếu không trả được nợ cho Ngân hàng tôi đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản của tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L và anh Nguyễn Hồng C vắng không có lý do. Những người này đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng những người này không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L và anh Nguyễn Hồng C được.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N ông Phạm Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 23/9/202. Tổng dư nợ của ông Nguyễn Hồng K, tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện LN là: 271.479.452 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng) Trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.246.575 đồng; Nợ lãi quá hạn: 17.232.876 đồng. Ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế ông Nguyễn Hồng K bà Dương Thị N trả hết nợ gốc cho Agribank.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Nguyễn Hồng K.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/09/2021 là 271.479.452 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm lẻ hai đồng) trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.246.575 đồng; Nợ lãi quá hạn: 17.232.876 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

4. Về án phí: ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ Ngân hàng. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đỗ Hồng K có địa chỉ tại thôn Tân Bình, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Lục Ngạn, Bắc Giang II đối với khoản nợ của ông Đỗ Hồng K vi phạm hợp đồng số 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hồng K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L, anh Nguyễn Hồng C được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn T, xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay. Tại Công văn số 951/ANĐN ngày 01/6/2021 của Phòng an N đối ngoại Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin ông Đỗ Hồng K, bà Dương Thị N và chị Tống Thị L không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh. Chị Nguyễn Thị Ng được cấp 01 hộ chiếu nhưng chưa có thông tin xuất nhập cảnh, anh Nguyễn Hồng C xuất nhập cảnh 4 lần qua cửa khẩu Hữu Nghị, lần cuối cùng nhập cảnh về nước ngày 04/04/2018 từ đó chưa xuất cảnh thêm lần nào.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bà Dương Thị N, chị Nguyễn Thị Ng, chị Tống Thị L, anh Nguyễn Hồng C. Ông Nguyễn Hồng Khánh vắng mặt lần thứ hai không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về việc ký kết hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số: 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn bị đơn hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung đều tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành đối các bên tham gia. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân theo đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng ông K lại không thực hiện theo đúng nghĩa vụ

trả nợ, vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong Điều 5 Hợp đồng tín dụng. Ông K cũng xác định đã không trả được số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng và đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi còn nợ theo quy định của pháp luật. Trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Dương Thị N có uỷ quyền có ông Nguyễn Hồng K thay mặt bà thực hiện các giao dịch cấp tín dụng và là người cùng ông Nguyễn Hồng K ký giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn. Khoản nợ này được ông K vay trong thời kỳ hôn nhân với bà N, sau khi vay vốn ông K sử dụng số tiền vay vào mục đích phát triển kinh tế gia đình đầu tư làm vườn. Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu ông K, bà N trả số tiền gốc và lãi còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng thì ông K đồng ý trả số tiền còn nợ Ngân hàng. Xét thấy đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa ông K và bà N, số tiền vay này được sử dụng vào mục đích gia đình. Do vậy, cần buộc ông K bà N phải liên đới trả số tiền gốc vay và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với các Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. .

[2.2] Về yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất cho vay và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn trong hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017, phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

^ Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Nguyễn Hồng K.

2. Buộc ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng N theo hợp đồng tín dụng số 2504LAV201703196 ngày 14/06/2017 số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/09/2021 là 271.479.452 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm lăm mươi hai đồng) trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 54.246.575 đồng; Nợ lãi quá hạn: 17.232.876 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý

tài thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

4. Về án phí: ông Nguyễn Hồng K và bà Dương Thị N phải chịu 13.573.900 đồng (Mười ba triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên L thu số: AA/2019/0001811 ngày 22/01/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường